

Số: 45./CBTT-TOT

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 7 năm 2026

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Thực hiện quy định tại khoản 3 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty Cổ phần Transimex Logistics thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính (BCTC) Quý 2 năm 2026 với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

1. Tên tổ chức: CÔNG TY CỔ PHẦN TRANSIMEX LOGISTICS

- Mã chứng khoán: TOT
- Địa chỉ: Tầng 2 - Tòa nhà Phú Nhuận Plaza, 82 Trần Huy Liệu, Phường Cầu Kiệu, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.
- Điện thoại liên hệ: 028 3729 7373 - Email: tmstrans.info@transimex.com.vn

2. Nội dung thông tin công bố: BCTC Quý 2 năm 2026.

☒ BCTC riêng (TCNY không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên, có đơn vị trực thuộc);

☐ BCTC hợp nhất (TCNY có công ty con);

☐ BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng).

- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân:

+ Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC (đối với BCTC được soát xét/được kiểm toán):

☐ Có

☒ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☐ Có

☒ Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại (đối với BCTC được kiểm toán năm 2025):

☐ Có

☒ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☐ Có

☒ Không

+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước:

☐ Có

☒ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☐ Có

☒ Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại:

☐ Có

☒ Không

Vấn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☐ Có

☒ Không

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 17/7/2026 tại đường dẫn <https://transimextrans.com.vn/danh-muc/bao-cao-tai-chinh>.

3. Báo cáo về các giao dịch có giá trị từ 35% tổng tài sản trở lên đến Quý 2 năm 2026.

Trường hợp TCNY có giao dịch đề nghị báo cáo đầy đủ các nội dung sau:

Nội dung giao dịch: Các giao dịch liên quan đến việc cung cấp các dịch vụ logistics, sử dụng dịch vụ logistics; Các giao dịch liên quan đến việc chi hộ để thực hiện việc sử dụng và cung cấp dịch vụ logistics.

Tỷ trọng giá trị giao dịch/tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp (%) (căn cứ trên báo cáo tài chính năm gần nhất): 36,09%.

- Ngày hoàn thành giao dịch: các giao dịch được ký theo dạng Hợp đồng nguyên tắc.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin công bố.

Người được ủy quyền công bố thông tin

Tài liệu đính kèm

BCTC Quý 2 năm 2026.



Huỳnh Văn Toàn
Thư ký Hội đồng quản trị

CTY CỔ PHẦN TRANSIMEX LOGISTICS

Mã số thuế: **0307821849**

Đ/c: Tầng 2- Tòa nhà Phú Nhuận Plaza ,

82 Trần Huy Liệu, Phường Cầu Kieu

Thành Phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngành nghề KD: Vận tải đường bộ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

☞ ☞ ☞ ☞ ☞ ☞ ☞ ☞

BẢNG LIỆT KÊ HỒ SƠ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý II Năm 2026

(Niên độ: Từ ngày 01/04/2026 đến ngày 30/06/2026)

Stt	Tên hồ sơ	Số tờ
01	Bảng báo cáo tình hình tài chính	03
02	Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	01
03	Lưu chuyển tiền tệ	01
04	Bản thuyết minh báo cáo tài chính	17

Nơi nhận:

- Cơ quan quản lý thuế
- Đơn vị kiểm toán
- Lưu Phòng kế toán

Ngày nhận:

Viên chức phòng

(Ký, ghi rõ họ tên)

TP. HCM, ngày 30 tháng 06 năm 2026

Giám đốc



TRỊNH ANH TUẤN

1. Báo cáo tình hình tài chính năm của doanh nghiệp đáp ứng giả định hoạt động liên tục

Đơn vị báo cáo: CÔNG TY CỔ PHẦN

Mẫu số B 01 - DN

TRANSIMEX LOGISTICS

Địa chỉ: Tầng 2 - Tòa Nhà Phú Nhuận Plaza, 82

Trần Huy Liệu, Phường Cầu Kiệu, TP. Hồ Chí

Minh, Việt Nam

(Kèm theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27 tháng 10 năm

2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 (1)

(Áp dụng cho doanh nghiệp đáp ứng giả định hoạt động liên tục)

Đơn vị tính: đồng

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
			(3)	(3)
1	2	3	4	5
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		186,637,431,892	145,439,933,614
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	15,071,379,361	8,760,195,748
1. Tiền	111		15,071,379,361	8,760,195,748
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		30,000,000,000	37,000,000,000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	123		30,000,000,000	37,000,000,000
4. Dự phòng đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn (*)	124		-	-
5. Đầu tư ngắn hạn khác	125		-	-
6. Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư ngắn hạn khác (*)	126		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		137,171,724,225	97,333,145,079
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	72,007,664,709	65,069,158,089
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	14,049,793,766	739,753,672
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu ngắn hạn khác	135	V.4a	51,663,758,585	32,073,726,153
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	136		(549,492,835)	(549,492,835)
7. Tài sản thiếu chờ xử lý	137		-	-
IV. Hàng tồn kho	140	V.5	608,082,702	327,887,367
1. Hàng tồn kho	141		608,082,702	327,887,367
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	142		-	-
V. Tài sản sinh học ngắn hạn	150		-	-
1. Súc vật nuôi lấy sản phẩm một lần ngắn hạn	151		-	-
2. Cây trồng theo mùa vụ hoặc lấy sản phẩm một lần ngắn hạn	152		-	-
3. Dự phòng tổn thất tài sản sinh học ngắn hạn (*)	153		-	-
VI. Tài sản ngắn hạn khác	160		3,786,245,604	2,018,705,420
1. Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn	161	V.6a	3,786,245,604	2,018,705,420
2. Thuế GTGT được khấu trừ	162		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	163		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	164		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	165		-	-
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		122,858,697,153	119,723,962,927
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		1,002,525,960	998,525,960
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-

4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu dài hạn khác	215	V.4b	1,002,525,960	998,525,960
6. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	216		-	-
II. Tài sản cố định	220		120,128,981,862	109,427,174,769
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	120,123,044,332	109,409,362,243
- Nguyên giá	222		207,107,596,725	186,503,501,314
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(86,984,552,393)	(77,094,139,071)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.8	5,937,530	17,812,526
- Nguyên giá	228		142,250,000	142,250,000
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(136,312,470)	(124,437,474)
III. Tài sản sinh học dài hạn	230		-	-
1. Súc vật nuôi cho sản phẩm định kỳ	231		-	-
a) Súc vật nuôi cho sản phẩm định kỳ chưa đến giai đoạn trưởng thành	232		-	-
b) Súc vật nuôi cho sản phẩm định kỳ đến giai đoạn trưởng thành	233		-	-
- Nguyên giá	234		-	-
- Giá trị khấu hao lũy kế (*)	235		-	-
2. Súc vật nuôi lấy sản phẩm một lần dài hạn	236		-	-
3. Cây trồng theo mùa vụ hoặc lấy sản phẩm một lần dài hạn	237		-	-
4. Dự phòng tổn thất tài sản sinh học dài hạn (*)	238		-	-
IV. Bất động sản đầu tư	240		-	-
- Nguyên giá	241		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	242		-	-
V. Tài sản dở dang dài hạn	250		127,990,375	7,080,079,323
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	251		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	252	V.9	127,990,375	7,080,079,323
VI. Đầu tư tài chính dài hạn	260		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	261		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	262		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	263		-	-
4. Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác dài hạn (*)	264		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn	265		-	-
6. Dự phòng đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn (*)	266		-	-
VII. Tài sản dài hạn khác	270		1,599,198,956	2,218,182,875
1. Chi phí chờ phân bổ dài hạn	271	V.6b	1,599,198,956	2,218,182,875
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	272		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	273		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	274		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (280 = 100 + 200)	280		309,496,129,045	265,163,896,541
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		157,325,793,757	123,982,450,600
I. Nợ ngắn hạn	310		127,735,448,942	106,295,450,600
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.10	52,143,708,532	45,089,490,638
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		262,974,010	307,334,248
3. Phải trả cổ tức, lợi nhuận	313		5,304,189,800	
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước ngắn hạn	314	V.11	7,510,875,328	6,640,823,987
5. Phải trả người lao động	315	V.12	1,985,563,401	121,953,389
6. Chi phí phải trả ngắn hạn	316	V.13	14,688,242,393	13,253,846,400
7. Phải trả nội bộ ngắn hạn	317		-	-

8. Phải trả theo tiến độ hợp đồng xây dựng ngắn hạn	318		-	-
9. Doanh thu chờ phân bổ ngắn hạn	319		-	-
10. Phải trả ngắn hạn khác	320	V.14	2,674,053,792	1,125,470,114
11. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	321	V.15a	43,165,841,686	39,756,531,824
12. Dự phòng phải trả ngắn hạn	322		-	-
13. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		-	-
14. Quỹ bình ổn giá	324		-	-
15. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	325		-	-
II. Nợ dài hạn	330		29,590,344,815	17,687,000,000
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước dài hạn	333		-	-
4. Chi phí phải trả dài hạn	334		-	-
5. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	335		-	-
6. Phải trả nội bộ dài hạn	336		-	-
7. Doanh thu chờ phân bổ dài hạn	337		-	-
8. Phải trả dài hạn khác	338		-	-
9. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	339	V.15b	29,590,344,815	17,687,000,000
10. Trái phiếu chuyển đổi	340		-	-
11. Cổ phiếu ưu đãi	341		-	-
12. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	342		-	-
13. Dự phòng phải trả dài hạn	343		-	-
14. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	344		-	-
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		152,170,335,288	141,181,445,941
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.16a	92,078,420,000	92,078,420,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		92,078,420,000	92,078,420,000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b			
2. Thặng dư vốn	412		6,818,927,000	6,818,927,000
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu mua lại của chính mình (*)	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		-	-
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V.16a	53,272,988,288	42,284,098,941
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	420a		42,284,098,941	17,981,103,252
- LNST chưa phân phối kỳ này	420b		10,988,889,347	24,302,995,689
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		309,496,129,045	265,163,896,541

Phê duyệt, ngày 30 Tháng 06 Năm 2026

NGƯỜI LẬP

(Ký, họ tên)

Phạm Đông Đức

KẾ TOÁN TRƯỞNG

(Ký, họ tên)

Nguyễn Bảo Huy

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

(Ký, họ tên, đóng dấu)



Trịnh Anh Tuấn

Ghi chú:

(1) Những chỉ tiêu không có số liệu được miễn trình bày nhưng không được đánh lại "Mã số" chỉ tiêu.

(2) Số liệu trong các chỉ tiêu có dấu (*) được ghi bằng số âm dưới hình thức ghi trong ngoặc đơn (...).

(3) Đối với doanh nghiệp có kỳ kế toán năm là năm dương lịch (X) thì "Số cuối năm" có thể ghi là "31.12.X"; "Số đầu năm" có thể ghi là "01.01.X".

3. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm
Đơn vị báo cáo: CÔNG TY CỔ PHẦN TRANSIMEX
LOGISTICS

Địa chỉ: Tầng 2 - Tòa Nhà Phú Nhuận Plaza, 82 Trần Huy
Liệu, Phường Cầu Kiệu, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mẫu số B 02 - DN

(Kèm theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27
tháng 10 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/6/2026

Đơn vị tính: Đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
					Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5	6	7
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	104,471,866,168	71,492,693,412	203,077,323,166	129,653,398,031
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02					
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		104,471,866,168	71,492,693,412	203,077,323,166	129,653,398,031
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	85,041,760,211	54,743,465,475	165,947,016,814	103,083,863,024
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		19,430,105,957	16,749,227,937	37,130,306,352	26,569,535,007
6. Lãi/lỗ của hoạt động bán, thanh lý bất động sản đầu tư	21		-			
7. Doanh thu hoạt động tài chính	22	VI.3	867,695,722	756,992,953	1,613,686,771	1,400,744,283
8. Chi phí tài chính	23	VI.4	1,441,627,654	858,034,394	2,684,378,003	1,617,183,205
- Trong đó: Chi phí đi vay	24		1,426,729,919	855,391,338	2,668,392,385	1,610,701,997
9. Chi phí bán hàng	25	VI.5	336,369,840	-	687,243,175	16,708,001
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	7,472,364,250	6,309,683,479	14,578,414,489	12,469,867,029
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + 21 + 22 - (23 + 25 + 26)}	30		11,047,439,935	10,338,503,017	20,793,957,456	13,866,521,055
12. Thu nhập khác	31		-	190,868,434	1,124,948,724	291,206,642
13. Chi phí khác	32		-	-	-	96,079,281
14. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		-	190,868,434	1,124,948,724	195,127,361
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		11,047,439,935	10,529,371,451	21,918,906,180	14,061,648,416
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		2,264,012,720	2,131,229,068	4,484,527,433	2,869,990,461
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52					
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		8,783,427,215	8,398,142,383	17,434,378,747	11,191,657,955
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70					
20. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)	71					

(*) Chỉ áp dụng tại công ty cổ phần

NGƯỜI LẬP
(Ký, họ tên)

Phạm Đông Đức

KÊ TOÁN TRƯỞNG
(Ký, họ tên)

Nguyễn Bảo Huy

Ngày 30 Tháng 06 Năm 2026
NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Trịnh Anh Tuấn

Đơn vị báo cáo: CÔNG TY CỔ PHẦN TRANSIMEX
LOGISTICS
Địa chỉ: Tầng 2 - Tòa Nhà Phú Nhuận Plaza, 82 Trần Huy
Liệu, Phường Cầu Kiệu, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mẫu số B 03 - DN
(Kèm theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27 tháng 10 năm 2025 của
Bộ trưởng Bộ Tài chính)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp) (*)
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/6/2026

Đơn vị tính: Đồng

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I	2	3	4	5
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		21,918,906,180	14,061,648,416
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		11,079,308,030	10,223,421,346
- Các khoản dự phòng	03		-	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư, tài chính	05		(2,736,554,066)	(1,587,861,165)
- Chi phí đi vay	06		2,668,392,385	1,610,701,997
- Các khoản điều chỉnh khác	7		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	8		32,930,052,529	24,307,910,594
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(38,717,630,422)	(8,169,442,900)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(280,195,335)	36,448,146
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		14,067,591,814	2,087,628,173
- Tăng, giảm chi phí chờ phân bổ	12		1,627,188,540	(245,796,103)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Chi phí đi vay đã trả	14		(2,668,392,385)	(1,610,701,997)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(5,825,620,567)	(3,764,505,368)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		1,132,994,174	12,641,540,545
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(18,575,952,269)	(6,198,886,360)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		971,181,289	7,942,785,664
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(35,000,000,000)	(13,000,000,000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		42,000,000,000	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1,611,605,342	1,397,427,884
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(8,993,165,638)	(9,858,672,812)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		106,175,530,610	40,574,046,221
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(90,862,875,933)	(30,841,968,246)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(1,141,299,600)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		14,171,355,077	9,732,077,975
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		6,311,183,613	12,514,945,708
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		8,760,195,748	13,235,919,997
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70		15,071,379,361	25,750,865,705

Ghi chú: Các chỉ tiêu không có số liệu thì doanh nghiệp không phải trình bày nhưng không được đánh lại "Mã số" chỉ tiêu.

NGƯỜI LẬP
(Ký, họ tên)

Phạm Đông Đức

KẾ TOÁN TRƯỞNG
(Ký, họ tên)

Nguyễn Bảo Huy



CÔNG TY CỔ PHẦN TRANSIMEX LOGISTICS

Địa chỉ: Tầng 2 - Tòa Nhà Phú Nhuận Plaza, 82 Trần Huy Liệu, Phường Cầu Kiệu, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH Quý 1 NĂM 2026 (tiếp theo)

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán Quý 2 kết thúc cùng ngày

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH Cho kỳ kế toán Quý II năm 2026

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Transimex Logistics (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: vận tải hàng hóa bằng đường bộ; vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương; vận tải hàng hóa đường thủy nội địa; bốc xếp hàng hóa; lưu giữ hàng hóa (trừ kinh doanh kho bãi); dịch vụ đóng gói (trừ đóng gói thuốc bảo vệ thực vật).

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

6. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty có 309 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 275 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27 tháng 10 năm 2025 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANSIMEX LOGISTICS

Địa chỉ: Tầng 2 - Tòa Nhà Phú Nhuận Plaza, 82 Trần Huy Liệu, Phường Cầu Kiệu, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH Quý 1 NĂM 2026 (tiếp theo)

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán Quý 2 kết thúc cùng ngày

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27 tháng 10 năm 2025 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

3. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ sau khi bù trừ với khoản phải trả (nếu có) hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 06 tháng đến dưới 01 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 03 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

4. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANSIMEX LOGISTICS

Địa chỉ: Tầng 2 - Tòa Nhà Phú Nhuận Plaza, 82 Trần Huy Liệu, Phường Cầu Kiệu, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH Quý 1 NĂM 2026 (tiếp theo)

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán Quý 2 kết thúc cùng ngày

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm các chi phí có liên quan trực tiếp khác.

Giá gốc của hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

5. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là chi phí công cụ, dụng cụ và chi phí sửa chữa. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Chi phí sửa chữa

Chi phí sửa chữa phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng không quá 03 năm.

Chi phí trả trước khác

Chi phí trả trước ngắn khác được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

6. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANSIMEX LOGISTICS

Địa chỉ: Tầng 2 - Tòa Nhà Phú Nhuận Plaza, 82 Trần Huy Liệu, Phường Cầu Kiệu, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH Quý 1 NĂM 2026 (tiếp theo)

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán Quý 2 kết thúc cùng ngày

chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05
Máy móc thiết bị	03 - 05
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	04 - 08

8. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty chỉ có chương trình phần mềm máy tính.

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

10. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANSIMEX LOGISTICS

Địa chỉ: Tầng 2 - Tòa Nhà Phú Nhuận Plaza, 82 Trần Huy Liệu, Phường Cầu Kiệu, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH Quý 1 NĂM 2026 (tiếp theo)

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán Quý 2 kết thúc cùng ngày

đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.

- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

11. **Vốn chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

12. **Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

13. **Ghi nhận doanh thu và thu nhập**

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

14. **Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANSIMEX LOGISTICS

Địa chỉ: Tầng 2 - Tòa Nhà Phú Nhuận Plaza, 82 Trần Huy Liệu, Phường Cầu Kiệu, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH Quý 1 NĂM 2026 (tiếp theo)

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán Quý 2 kết thúc cùng ngày

12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

15. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

16. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANSIMEX LOGISTICS

Địa chỉ: Tầng 2 - Tòa Nhà Phú Nhuận Plaza, 82 Trần Huy Liệu, Phường Cầu Kiệu, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH Quý 1 NĂM 2026 (tiếp theo)

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán Quý 2 kết thúc cùng ngày

mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

17. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Tại ngày 30/6/2026	Tại ngày 31/12/2025
Tiền mặt	51.406.030	66.716.816
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	15.019.973.331	8.693.478.932
Các khoản tương đương tiền	-	-
Cộng	15.071.379.361	8.760.195.748

2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANSIMEX LOGISTICS

Địa chỉ: Tầng 2 - Tòa Nhà Phú Nhuận Plaza, 82 Trần Huy Liệu, Phường Cầu Kiệu, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH Quý 1 NĂM 2026 (tiếp theo)

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán Quý 2 kết thúc cùng ngày

	Tại ngày 30/6/2026	Tại ngày 31/12/2025
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	<i>21.898.663.851</i>	<i>19.828.873.241</i>
Công ty Cổ phần Transimex	18.867.057.076	17.425.867.777
Công ty TNHH MTV Transimex Hi Tech Park Logistics	704.074.680	732.857.220
Công ty Cổ phần Cảng Transimex	886.599.721	517.451.762
Công ty TNHH MTV Trung tâm phân phối Transimex	16.990.560	109.610.944
Công ty Liên doanh TNHH Nippon Express Việt Nam	607.291.452	132.587.820
Công ty Cổ phần Vinafreight	390.715.404	417.607.920
Công ty Cổ phần Thủy Đặc Sản	221.123.758	160.286.200
Công ty Cổ phần Transimex Shipping	-	-
Công ty CP Thực phẩm Cholimex	133.315.200	285.202.437
Công ty CP Merufa	71.496.000	47.401.161
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	<i>50.109.000.858</i>	<i>45.240.284.848</i>
Công ty TNHH Coats Phong Phú	13.274.840.418	13.879.354.241
Công ty TNHH Nestlé Việt Nam	11.852.736.886	13.677.474.782
Khách hàng khác	24.981.423.554	17.683.455.825
Cộng	<u>72.007.664.709</u>	<u>65.069.158.089</u>
3. Trả trước cho người bán ngắn hạn		
	Tại ngày 30/6/2026	Tại ngày 31/12/2025
Công ty CP Đầu tư và Phát triển VRG Long Thành	12.000.000.000	-
Công ty CP Dịch vụ Hàng hóa Sài Gòn	186.019.092	212.070.839
Công ty TNHH Thu phí Tự động VETC	248.314.873	159.021.665
Các nhà cung cấp khác	1.615.459.801	368.661.168
Cộng	<u>14.049.793.766</u>	<u>739.753.672</u>
4. Các khoản phải thu khác		
4a. Phải thu ngắn hạn khác		
	Tại ngày 30/6/2026	Tại ngày 31/12/2025
Phải thu ngắn hạn	34.056.499.643	9.533.228.118
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	374.189.565	12.000.000.000
Tạm ứng	17.233.069.377	10.540.498.035
Khác	-	-
Cộng	<u>51.663.758.585</u>	<u>32.073.726.153</u>
4b. Phải thu dài hạn khác		
Các khoản ký quỹ dài hạn.		
5. Hàng tồn kho		

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANSIMEX LOGISTICS

Địa chỉ: Tầng 2 - Tòa Nhà Phú Nhuận Plaza, 82 Trần Huy Liệu, Phường Cầu Kiệu, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH Quý 1 NĂM 2026 (tiếp theo)

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán Quý 2 kết thúc cùng ngày

Nguyên liệu, vật liệu phục vụ cho hoạt động vận tải.

	Tại ngày 30/6/2026	Tại ngày 31/12/2025
Nguyên nhiên liệu, vật liệu	608.082.702	27.887.367
Cộng	608.082.702	327.887.367

6. Chi phí trả trước**6a. Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn**

	Tại ngày 30/6/2026	Tại ngày 31/12/2025
Công cụ, dụng cụ	1.181.084.851	1.672.128.654
Chi phí bảo hiểm	1.010.709.412	29.075.278
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	1.594.451.341	317.501.488
Cộng	3.786.245.604	2.018.705.420

6b. Chi phí chờ phân bổ dài hạn

	Tại ngày 30/6/2026	Tại ngày 31/12/2025
Chi phí cải tạo văn phòng	1.333.507.971	1.531.147.678
Công cụ, dụng cụ	164.853.428	574.707.846
Các chi phí trả trước dài hạn khác	100.837.557	112.327.351
Cộng	1.599.198.956	2.218.182.875

7. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số dư tại ngày 01/01/2026	8.400.700.384	845.007.163	176.307.950.363	949.843.404	186.503.501.314
Mua trong năm	-	610.000.000	21.171.115.123	-	21.781.115.123
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(1.177.019.712)	-	(1.177.019.712)
Số dư Tại ngày 30/6/2026	8.400.700.384	1.455.007.163	196.302.045.774	949.843.404	207.107.596.725

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Giá trị hao mòn					
Số dư tại ngày	2.765.210.084	817.748.196	72.975.180.791	536.000.000	77.094.139.071

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANSIMEX LOGISTICS

Địa chỉ: Tầng 2 - Tòa Nhà Phú Nhuận Plaza, 82 Trần Huy Liệu, Phường Cầu Kiệu, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH Quý 1 NĂM 2026 (tiếp theo)

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán Quý 2 kết thúc cùng ngày

01/01/2026

Khấu hao trong năm	402.535.014	41.812.497	10.623.085.523	-	11.067.433.034
--------------------	-------------	------------	----------------	---	----------------

Thanh lý, nhượng bán	-	-	(1.177.019.712)	-	(1.177.019.712)
----------------------	---	---	-----------------	---	-----------------

Số dư Tại ngày 30/6/2026	3.167.745.098	859.560.693	82.421.246.602	536.000.000	86.984.552.393
---------------------------------	----------------------	--------------------	-----------------------	--------------------	-----------------------

Giá trị còn lại

Số dư tại ngày 01/01/2026	5.635.490.300	27.258.967	103.332.769.572	413.843.404	109.409.362.243
---------------------------	---------------	------------	-----------------	-------------	-----------------

Số dư Tại ngày 30/6/2026	5.232.955.286	595.446.470	113.880.799.172	413.843.404	120.123.044.332
---------------------------------	----------------------	--------------------	------------------------	--------------------	------------------------

8. Tài sản cố định vô hình

	Nguyên giá	Giá trị hao mòn	Giá trị còn lại
Số dư tại ngày 01/01/2026	142.250.000	(124.437.474)	17.812.526
Mua trong năm	-	-	-
Khấu hao trong năm	-	(11.874.996)	-
Số dư Tại ngày 30/6/2026	142.250.000	(136.312.470)	5.937.530

9. Chi phí XDCB dở dang

	Số dư tại ngày 01/01/2026	Tăng	Giảm	Số dư Tại ngày 30/6/2026
Chi phí XDCB DD	7.080.079.323	14.072.919.675	(21.025.008.623)	127.990.375
Cộng	7.080.079.323	14.072.919.675	(21.025.008.623)	127.990.375

10. Phải trả người bán ngắn hạn

	Tại ngày 30/6/2026	Tại ngày 31/12/2025
Phải trả các bên liên quan	33.019.251.885	25.139.744.900
Công ty Cổ phần Transimex		
- Mua nguyên giá tài sản cố định	15.596.751.781	15.596.751.781
- Thuế GTGT mua tài sản cố định	1.350.810.991	1.350.810.991
- Mua dịch vụ	1.841.672.011	503.834.378
Công ty TNHH MTV Transimex Hi Teck Park Logistic	13.973.200.227	6.634.105.160
Công ty CP Transimex Shipping	109.468.800	394.643.651
Công ty TNHH MTV Bất động sản Transimex	28.706.780	235.506.819

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANSIMEX LOGISTICS

Địa chỉ: Tầng 2 - Tòa Nhà Phú Nhuận Plaza, 82 Trần Huy Liệu, Phường Cầu Kiệu, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH Quý 1 NĂM 2026 (tiếp theo)

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán Quý 2 kết thúc cùng ngày

Công ty Cổ phần Vinafreight	1.880.295	2.083.819
Công ty Cổ phần Cảng Transimex	1.050.000	-
Công ty CP Merufa	1.987.000	15.832.842
Công ty TNHH MTV Trung tâm phân phối Transimex	113.724.000	
Phải trả các nhà cung cấp khác	19.124.456.647	19.949.745.738
Công ty TNHH Liên Sơn Logistics	98.474.400	3.707.513.404
Chi nhánh Công ty Cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu Thủ Đức – Cửa Hàng Xăng Dầu Phú Hữu	2.993.619.327	2.856.994.947
Công ty TNHH Đầu tư Minh Nhi	54.107.345	3.570.384.651
Các nhà cung cấp khác	15.978.255.575	9.814.852.736
Cộng	52.143.708.532	45.089.490.638

Công ty không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

11. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số dư tại ngày			Số dư Tại ngày
	01/01/2026	Tăng	Giảm	30/6/2026
Thuế GTGT	518.092.640	10.221.341.775	(7.664.974.746)	3.074.459.669
Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.773.496.723	4.484.527.433	(5.825.620.567)	4.432.403.589
Thuế thu nhập cá nhân	349.234.624	646.953.524	(992.176.078)	4.012.070
Các loại thuế khác	-	-	-	-
Cộng	6.640.823.987	15.352.822.732	(14.482.771.391)	7.510.875.328

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Dịch vụ giao nhận hàng hóa khu chế xuất 0%
- Dịch vụ giao nhận hàng hóa nội địa 8%

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Quý 2.2026	Quý 2.2025
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	11.047.439.935	10.529.371.451
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	272.623.663	126.773.889
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập chịu thuế	11.320.063.598	10.656.145.340

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANSIMEX LOGISTICS

Địa chỉ: Tầng 2 - Tòa Nhà Phú Nhuận Plaza, 82 Trần Huy Liệu, Phường Cầu Kiệu, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH Quý 1 NĂM 2026 (tiếp theo)

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán Quý 2 kết thúc cùng ngày

	Quý 2.2026	Quý 2.2025
Lũ các năm trước được chuyển	-	-
Thu nhập tính thuế	11.320.063.598	10.656.145.340
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	2.264.012.720	2.131.229.068
Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn, giảm (i)		
Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp	2.264.012.720	2.131.229.068

(i)

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

12. Phải trả người lao động

Các khoản tiền lương và thu nhập khác còn phải trả người lao động.

13. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Tại ngày 30/6/2026	Tại ngày 31/12/2025
Phải trả các tổ chức và cá nhân khác		
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	14.688.242.393	13.253.846.400
Cộng	14.688.242.393	13.253.846.400

14. Phải trả ngắn hạn khác

	Tại ngày 30/6/2026	Tại ngày 31/12/2025
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	5.384.199.520	139.314.300
Phải trả người lao động	-	377.105.814
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1.330.000.000	490.000.000
Kinh phí công đoàn, BHXH	732.914.477	119.050.000
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	611.139.315	-
Cộng	8.058.253.312	1.125.470.114

Công ty không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

15. Vay

15a. Vay ngắn hạn

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn trong năm như sau:

Số dư tại ngày 01/01/2026	Số tiền vay phát sinh trong năm	Số tiền vay đã trả trong năm	Phân loại lại	Số dư Tại ngày 30/6/2026
------------------------------	------------------------------------	---------------------------------	------------------	-----------------------------

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANSIMEX LOGISTICS

Địa chỉ: Tầng 2 - Tòa Nhà Phú Nhuận Plaza, 82 Trần Huy Liệu, Phường Cầu Kiệu, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH Quý 1 NĂM 2026 (tiếp theo)

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán Quý 2 kết thúc cùng ngày

	Số dư tại ngày 01/01/2026	Số tiền vay phát sinh trong năm	Số tiền vay đã trả trong năm	Phân loại lại	Số dư Tại ngày 30/6/2026
Vay ngắn hạn Shinghan Bank	19.040.184.359	49.181.684.845	(41.648.824.826)	-	26.573.044.378
Vay Vietcombank	16.050.847.465	43.773.845.765	(47.897.395.922)	-	11.927.297.308
Vay dài hạn đến hạn trả Shinghan Bank	4.665.500.000	-	-	-	4.665.500.000
Cộng	39.756.531.824	92.955.530.610	(89.546.220.748)	-	43.165.841.686

15b. Vay dài hạn

	Số dư tại ngày 01/01/2026	Số tiền vay phát sinh trong năm	Số tiền vay đã trả trong năm	Phân loại lại	Số dư Tại ngày 30/6/2026
Shinghan Bank	17.687.000.000	13.220.000.000	(1.316.655.185)		29.590.344.815
Cộng	17.687.000.000	13.220.000.000	(1.316.655.185)		29.590.344.815

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn trong năm như sau:

16. Vốn chủ sở hữu**16a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	92.078.420.000	6.818.927.000	-	36.396.787.252	135.294.134.252
Tăng vốn từ chuyển đổi trái phiếu	-	-	-	-	-
Trích lập các quỹ trong năm trước	-	-	-	-	-
Chia cổ tức trong năm trước	-	-	-	(18.415.684.000)	(18.415.684.000)
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	24.302.995.689	24.302.995.689
Số dư tại ngày 31/12/2025	92.078.420.000	6.818.927.000	-	42.284.098.941	141.181.445.941
Số dư đầu năm nay	92.078.420.000	6.818.927.000	-	42.284.098.941	141.181.445.941
Tăng vốn từ chuyển đổi trái phiếu	-	-	-	-	-
Trích lập các quỹ trong năm nay	-	-	-	-	-
Chia cổ tức trong năm nay	-	-	-	-	-
Lợi nhuận còn lại năm nay	-	-	-	17.434.378.747	17.434.378.747
Chia cổ tức trong năm nay	-	-	-	(6.445.489.400)	(6.445.489.400)
Số dư Tại ngày 30/6/2026	92.078.420.000	6.818.927.000	-	53.272.988.288	152.170.335.288

16b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANSIMEX LOGISTICS

Địa chỉ: Tầng 2 - Tòa Nhà Phú Nhuận Plaza, 82 Trần Huy Liệu, Phường Cầu Kiệu, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH Quý 1 NĂM 2026 (tiếp theo)

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán Quý 2 kết thúc cùng ngày

	Tại ngày 30/6/2026	Tại ngày 31/12/2025
Công ty Cổ phần Transimex	75.774.149.000	75.774.149.000
Các cổ đông khác	16.304.271.000	16.304.271.000
Cộng	92.078.420.000	92.078.420.000

17. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

Nợ khó đòi đã xử lý

	Tại ngày 30/6/2026	Tại ngày 31/12/2025	Nguyên nhân xóa sổ
Công ty TNHH Đại Thiên Sơn	98.740.000	98.740.000	Công ty đã giải thể
Công ty TNHH Ý tưởng của Bạn	281.896.460	281.896.460	Công ty đã giải thể
Công ty TNHH Giao nhận Vận tải Đức Hải	22.937.060	22.937.060	Công ty đã giải thể
Công ty TNHH Thương mại Giao nhận Vận tải Khánh Vân	267.710.000	267.710.000	Công ty đã giải thể
Cộng	671.283.520	671.283.520	

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Quý 2.2026 104.471.866.168	Quý 2.2025 71.492.693.412
2.	Giá vốn hàng bán	Quý 2.2026 85.041.760.211	Quý 2.2025 54.743.465.475
3.	Doanh thu hoạt động tài chính	Quý 2.2026 867.695.722	Quý 2.2025 756.992.953
4.	Chi phí tài chính	Quý 2.2026 1.441.627.654	Quý 2.2025 858.034.394
5.	Chi phí bán hàng	Quý 2.2026 336.369.840	Quý 2.2025 -
6.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	Quý 2.2026	Quý 2.2025

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANSIMEX LOGISTICS

Địa chỉ: Tầng 2 - Tòa Nhà Phú Nhuận Plaza, 82 Trần Huy Liệu, Phường Cầu Kiệu, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH Quý 1 NĂM 2026 (tiếp theo)

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán Quý 2 kết thúc cùng ngày

Chi phí cho nhân viên	2.935.236.440	2.729.636.917
Chi phí đồ dùng văn phòng	486.967.015	365.129.656
Chi phí khấu hao tài sản cố định	207.205.005	207.205.005
Chi phí thuê văn phòng, bến bãi	1.765.467.711	1.617.683.826
Chi phí dịch vụ mua ngoài khác	678.522.121	880.876.628
Các chi phí khác	1.398.965.958	509.151.447
Cộng	7.472.364.250	6.309.683.479

7. Lãi trên cổ phiếu

7a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

	Quý 2.2026	Quý 2.2025
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	8.783.427.215	8.398.142.383
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu		
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	9.207.842	9.207.842
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	954	912

7b. Thông tin khác

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày công bố Báo cáo tài chính này.

8. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Quý 2.2026	Quý 2.2025
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	39.909.631.723	10.615.833.586
Chi phí nhân công	35.185.458.277	13.163.474.045
Chi phí khấu hao tài sản cố định	11.079.308.030	5.090.005.711
Chi phí dịch vụ mua ngoài	91.591.740.295	31.506.539.138
Chi phí khác	2.759.292.978	509.151.447
Cộng	180.525.431.303	60.885.003.927

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANSIMEX LOGISTICS

Địa chỉ: Tầng 2 - Tòa Nhà Phú Nhuận Plaza, 82 Trần Huy Liệu, Phường Cầu Kiệu, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH Quý 1 NĂM 2026 (tiếp theo)

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán Quý 2 kết thúc cùng ngày

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Giám đốc và Kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt năm nay VND (năm trước VND)

1b. *Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác*

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Transimex	Công ty mẹ
Công ty TNHH MTV Bất động sản Transimex	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty TNHH MTV Trung tâm Phân phối Transimex	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty TNHH MTV Transimex Hi Tech Park Logistics	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Vinafreight	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Cảng Transimex	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Liên doanh TNHH Nippon Express Việt Nam	Công ty liên doanh của Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Vận tải Giao nhận Miền Trung	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ Phần Transimex Shipping	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Thủy Đặc Sản	Công ty liên quan của Trường BKS
Công ty TNHH Hậu cần Toàn cầu SFS Việt Nam	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty CP Merufa	Công ty liên quan của nhân sự chủ chốt của Công ty mẹ
Công ty CP Thực phẩm Cholimex	Công ty liên quan của nhân sự chủ chốt của Công ty mẹ

Giá hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan khác là giá thỏa thuận do Công ty công bố. Việc mua hàng hóa, dịch vụ từ các bên liên quan khác được thực hiện theo giá thỏa thuận

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.2, V.4, V.10 và V.15.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANSIMEX LOGISTICS

Địa chỉ: Tầng 2 - Tòa Nhà Phú Nhuận Plaza, 82 Trần Huy Liệu, Phường Cầu Kiệu, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH Quý 1 NĂM 2026 (tiếp theo)

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán Quý 2 kết thúc cùng ngày

2. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính cần phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính.



Phạm Đông Đức
Người lập biểu



Nguyễn Bảo Huy
Kế toán trưởng



Trịnh Anh Tuấn
Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 6 năm 2026



